



LÍ THUYẾT VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Trần Vĩnh Linh

Nhà thờ Phương Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

Tác giả liên hệ: Nguyễn Trần Vĩnh Linh – Email: linhmap70@gmail.com

Ngày nhận bài: 07-3-2019; ngày nhận bài sửa: 18-3-2019, ngày duyệt đăng: 24-4-2019

TÓM TẮT

Bài báo trình bày khái quát tình hình nghiên cứu về quản lý hoạt động tư vấn hướng nghiệp trên thế giới và Việt Nam, kế thừa ý tưởng các nhà khoa học trong và ngoài nước, xây dựng cơ sở lý thuyết về chức năng và nội dung quản lý hoạt động tư vấn hướng nghiệp bao gồm kế hoạch hóa, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra tích hợp với các thành tố của chủ thể quản lý, đối tượng quản lý và công cụ quản lý nhằm đảm bảo tính khoa học và hiệu quả trong quản lý hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông, góp phần thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục, đào tạo trong thời kì mới.

Từ khóa: quản lý, tư vấn hướng nghiệp, học sinh trung học phổ thông.

1. Đặt vấn đề

Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ cách mạng công nghiệp 4.0. Trong những năm tới, Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức về chất lượng nguồn nhân lực như trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động còn thấp cũng như năng suất lao động thấp hơn nhiều nước trong khu vực ASEAN, không thể không qua con đường giáo dục. Từ nhiều năm Đảng và Nhà nước về giáo dục nói chung và giáo dục hướng nghiệp (GDHN) nói riêng nhằm giải quyết được những thách thức trên. Tuy nhiên, tỉ lệ thất nghiệp của thanh niên (Từ 15-24 tuổi) năm 2016 là 7,34%, trong đó khu vực thành thị là 11,30%; khu vực nông thôn là 5,74%. Tỉ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi lao động năm 2016 là 1,64%, thấp hơn mức 1,89% của năm 2015 và 2,40% của năm 2014. (Trích theo số liệu Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội năm 2016). Một trong những yếu tố ảnh hưởng dẫn đến tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm trong thanh niên, thậm chí sinh viên tốt nghiệp đại học là do các trường trung học phổ thông (THPT) chưa làm tốt công tác quản lý tư vấn hướng nghiệp (TVHN) cho học sinh (HS), quản lý hoạt động này còn nhiều bất cập, chưa mang lại hiệu quả thiết thực...

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Tình hình nghiên cứu quản lý hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông

2.1.1. Trên thế giới

Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, TVHN thực sự trở thành một lĩnh vực khoa học độc lập với những công trình nghiên cứu lí thuyết điển hình của các nhà tâm lí học tư vấn Kettell (1880), Gallton (1883), Davis (1907), Parsons (1909), Keller & Viteles (1937), Holland (1986)... Giữa cuối thế kỉ XX, TVHN và quản lý hoạt động TVHN được hầu hết các quốc gia trên thế giới quan tâm. Điển hình như:

Ở **Mĩ**, chương trình TVHN được đề cập trong rất nhiều chương trình, hoạt động cụ thể, hướng đến 3 lĩnh vực, gồm: Những kiến thức về bản thân (self-knowledge); Giáo dục và khám phá nghề nghiệp (Educational and occupational exploration); Và kế hoạch nghề nghiệp (career planning).

Tại **Pháp**, TVHN trong các nhà trường được tổ chức một cách chặt chẽ, chịu sự quy định nghiêm ngặt của luật pháp, chính phủ và ngành giáo dục trong việc bắt buộc các cơ sở giáo dục, đào tạo (nhà trường các cấp) xây dựng, triển khai các hoạt động TVHN thông qua Bộ Luật TVHN và đào tạo nghề suốt đời (2009) và được tiếp tục áp dụng cho đến nay.

Ở **Malaysia**, từ những năm 1960, Bộ Giáo dục đã nhận thức rõ tầm quan trọng của tư vấn hướng dẫn nghề trong trường học và đã thiết lập bộ phận tư vấn và hướng dẫn tại phòng kế hoạch và nghiên cứu giáo dục (Educational Planning and Research Division). Để đảm bảo hiệu quả của công việc TVHN cho HS, GV làm công tác hướng dẫn nghề nghiệp phải nắm qua về 25 môn học, khả năng làm việc nhóm và nhiều hoạt động tập thể khác của HS.

Ở **New Zealand**, nhu cầu TVHN của nước này tăng cao, nhưng chi phí của chính phủ dành cho hoạt động này lại bị cắt giảm. Chính phủ cũng không có một quy chế cụ thể nào về hoạt động của các nhà tư vấn nói chung và tư vấn nghề nghiệp nói riêng, vì vậy các nhà tư vấn phải hoạt động dựa trên những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, phải tự đặt ra những mức phí có thể chấp nhận được. (dẫn theo Lê Thị Thanh Hương, 2010, tr.84-87).

Nhìn chung ở những nước phát triển, quản lý TVHN được tất cả các cấp quản lí từ cấp chính phủ đến địa phương coi trọng và được triển khai rộng khắp với sự tham gia không chỉ của nhà trường mà còn nhiều tổ chức xã hội khác nhau, tạo thành một hệ thống liên hoàn chặt chẽ. Tạo những điều kiện thuận lợi cả về mặt vật chất lẫn hệ thống những thông tin cần thiết để đảm bảo cho hoạt động TVHN cho HS có hiệu quả.

2.1.2. Tại Việt Nam

TVHN ở nước ta đã được nghiên cứu từ những năm 80 của thế kỉ XX. Cơ sở pháp lí của hoạt động hướng nghiệp được thể hiện qua những chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật của nhà nước, qua những thông tư quyết định có liên quan của các cơ quan quản lí trực tiếp – Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác nhận rõ tầm quan trọng của công tác TVHN, đó là: 1) Nội dung cơ bản của hướng nghiệp (sự hài hòa giữa sở thích, hứng thú nghề, năng lực cá nhân và nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực; 2) Tính đa dạng của các hình thức hướng nghiệp; 3) Sự liên kết, phối hợp của các ban ngành, các tổ chức xã hội. Cơ quan chịu trách nhiệm chính trong công tác hướng nghiệp cho HS phổ thông là Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các ban ngành, tổ chức khác phải có trách nhiệm phối hợp (Bộ kế hoạch và đầu tư, chính quyền địa phương các cấp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, gia đình...).

Bên cạnh đó, từ năm 1996 đến nay đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu về hướng nghiệp và tư vấn nghề cho HS, tập trung vào các đặc điểm của bản thân trong quá trình chọn nghề, tư vấn nghề đã được công bố điển hình như các nghiên cứu chuyên sâu của Đặng Danh Ánh về tư vấn chọn nghề cho HS phổ thông trải dài từ năm 2003-2010, Phạm Tấn Dong về hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông từ năm 1978-2012, Lê Thị Thanh Hương (2010), Phạm Văn Sơn (2012), Đỗ Thị Bích Loan (2015), Lê Duy Hùng (2018). Kết quả về hoạt động TVHN được các tác giả tập trung về cơ sở lí luận, thực trạng và đề xuất biện pháp. Trong cơ sở lí luận, đáng lưu ý rằng chưa có sự thống nhất về khái niệm “tư vấn hướng nghiệp”, “tư vấn nghề”, “tư vấn hướng nghiệp”, “tham vấn hướng nghiệp” và “tư vấn học đường”. Đồng thời, các tác giả cũng đã nghiên cứu về nhu cầu tư vấn hướng nghiệp, thực trạng GDHN và TVHN tại 3 trung tâm giáo dục lớn nhất: Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh. Những nội dung như đã trình bày về TVHN được các tác giả nghiên cứu với cách tiếp cận tâm lí học là chủ yếu.

Tóm lại, mặc dù nhà nước và các cơ quan hữu quan đã có những chủ trương định hướng cho việc triển khai hoạt động này nhưng đến thời điểm hiện tại TVHN ở Việt Nam vẫn còn chưa thật sự được chú trọng, nhà nước đã đưa những quy định về công tác hướng nghiệp xuống các trường THPT, nhưng chưa có chế tài kiểm soát việc thực thi các quy định này hay nói cách khác, việc thực hiện quản lí TVHN còn yếu và kém hiệu quả. Đây chính là cơ sở lí luận cho phân tích lí thuyết quản lí hoạt động TVHN cho HS trường THPT ở phần sau.

2.2. Cơ sở lí luận về quản lí hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông

2.2.1. Khái niệm công cụ

Trên cơ sở những nghiên cứu mang tính lí luận và thực tiễn về “tư vấn hướng nghiệp”, “tư vấn nghề”, “tư vấn hướng nghiệp” “tham vấn hướng nghiệp” và “tư vấn học đường” của các tác giả Hoàng Phê (2002), Đặng Danh Ánh (2009), Lê Thị Thanh Hương (2010), Phạm Văn Sơn (2012), Phạm Ngọc Linh (2013), Hồ Phụng Hoàng Pheonix và Trần Thị Thu (2015), Đỗ Thị Bích Loan (2015), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2015)..., chúng tôi đưa ra các thuật ngữ có liên quan sau đây:

- **Tư vấn**

Thuật ngữ “counseling” trong tiếng Anh được chuyển sang tiếng Việt chủ yếu thành hai thuật ngữ “tư vấn” và “tham vấn”. Có thể hiểu *tư vấn là hoạt động có sự tác động của chủ thể tư vấn và khách thể được tư vấn nhằm giúp người được tư vấn đưa ra quyết định cho một vấn đề nào đó*. Chủ thể tư vấn là người có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm, được đào tạo chuyên nghiệp, có kiến thức, kĩ năng và các phẩm chất đạo đức phù hợp với hoạt động tư vấn. Khách thể được tư vấn là người đang gặp khó khăn về các vấn đề liên quan đến tâm lí hay các mối quan hệ xã hội mà không tự giải quyết được và có nhu cầu được giúp đỡ. Kết quả của hoạt động tư vấn là khách thể được tư vấn lớn mạnh về nhận thức và tự giải quyết được vấn đề khó khăn của mình.

Hiện nay, giữa các nhà chuyên môn còn chưa có sự thống nhất trong việc sử dụng những thuật ngữ này. Một số nhà nghiên cứu cho rằng thuật ngữ “tham vấn” được sử dụng trong lĩnh vực tâm lí học bởi tham vấn tâm lí khác với tư vấn ở chỗ nhà tham vấn không được phép cho khách hàng những lời khuyên (như trong tư vấn), mà chủ yếu bằng các thủ pháp chuyên môn khác nhau, kích lệ khách hàng để họ tự tìm ra cách giải quyết vấn đề của mình một cách phù hợp nhất. Thuật ngữ “tư vấn” với nội hàm chung, bao gồm cả tham vấn tâm lí thường được sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội mà trong quá trình làm việc nhà TVHN vừa có thể sử dụng các biện pháp tâm lí làm cho khách hàng hiểu rõ bản thân, những mặt mạnh mặt yếu của họ vừa cung cấp cho khách hàng những thông tin cần thiết liên quan đến ngành nghề khác nhau trong xã hội, từ đó hướng dẫn hoặc đề xuất cho khách hàng những cách thức/phương án lựa chọn ngành nghề trên cơ sở phân tích sự phù hợp giữa năng lực, sở thích điều kiện cá nhân và những yêu cầu của nghề, yêu cầu của thị trường lao động... (Lê Thị Thanh Hương, 2010, tr.24-25).

- **Hướng nghiệp**

Khái niệm “Hướng nghiệp” (Career guidance) được phổ biến rộng rãi sau Hội nghị Quốc tế về Tâm lí học năm 1938 ở Barcelona, Tây Ban Nha. Sau đó ở các nước phương Tây đã ứng dụng những thành tựu nghiên cứu về lĩnh vực hướng nghiệp vào thực tế cuộc sống. Ở Việt Nam, Thông tư số 31-TT/17/11/1981 về việc *hướng dẫn*

thực hiện quyết định của hội đồng chính phủ về công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông và sử dụng hợp lý HS phổ thông tốt nghiệp có quy định: “Hướng nghiệp là một yêu cầu cần thiết của cải cách giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu nguyên lý và nội dung giáo dục của Đảng; góp phần tích cực và có hiệu quả vào việc phân công và sử dụng hợp lý HS sau khi tốt nghiệp. Công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông nhằm mục đích bồi dưỡng, hướng dẫn HS chọn nghề phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội, đồng thời phù hợp với thể lực và năng khiếu của cá nhân. Hướng nghiệp phải dựa trên cơ sở giáo dục kỹ thuật tổng hợp và giáo dục toàn diện; Hướng nghiệp phải căn cứ vào phương hướng phát triển kinh tế, văn hoá và nhu cầu sử dụng nguồn lao động dự trữ của đất nước và địa phương; Mức độ nội dung, hình thức và phương pháp hướng nghiệp phải phù hợp với đặc điểm của HS (sức khỏe, lứa tuổi, trình độ học tập, xu hướng...)”.

Như vậy, có thể định nghĩa: “Hướng nghiệp là một hệ thống các biện pháp tác động tác động của gia đình, nhà trường và toàn xã hội vào quá trình định hướng nghề nghiệp của cá nhân bằng cách giúp họ lựa chọn và xác định được vị trí nghề nghiệp của mình trong cuộc sống trên cơ sở kết hợp năng lực, sở trường, nguyện vọng của cá nhân với điều kiện gia đình và nhu cầu thị trường lao động, qua đó cá nhân tự quyết định chọn lấy một nghề phù hợp trong lao động nghề nghiệp sau này”

• *Tư vấn hướng nghiệp*

Thuật ngữ *Tư vấn hướng nghiệp* đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu nhưng chưa có công trình nào chỉ ra thật rõ ràng sự giống nhau và khác nhau giữa tư vấn nghề, TVHN và tư vấn nghề nghiệp (Career counseling). Theo tác giả Đặng Danh Ánh (2009, tr.3-4); Lê Thị Thanh Hương (2010, tr.32-33) về 3 thuật ngữ trên, có: *Điểm giống nhau*: Về hình thức lẫn nội dung thì tư vấn nghề, TVHN và tư vấn nghề nghiệp đều có chung mục tiêu chung nhất, cao nhất là giúp HS chọn được ngành học, nghề học và trường học sao cho phù hợp với yêu cầu của nghề, của xã hội và đặc điểm của bản thân các em. *Điểm khác nhau cơ bản*: Xét về đối tượng, phạm vi và mức độ thì tư vấn nghề là tư vấn diện hẹp, phạm vi diễn ra trong trường dạy nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, nó gắn với một ngành, một nghề cụ thể và đặc biệt gắn với khâu tuyển chọn nghề. Tư vấn nghề nghiệp bao gồm tất cả những hoạt động tư vấn gắn với những lựa chọn nghề nghiệp trải dài trong toàn bộ cuộc đời của cá nhân, trong khi đó TVHN quan tâm chủ yếu đến việc tư vấn định hướng nghề nghiệp cho HS trong các trường thuộc hệ thống giáo dục phổ thông. TVHN là tư vấn diện rộng, đối tượng của TVHN là HS phổ thông, phạm vi diễn ra trong nhà trường phổ thông và trong trung tâm kỹ thuật tổng hợp-hướng nghiệp. Như vậy, nội hàm khái niệm tư vấn nghề nghiệp

bao hàm cả nội hàm khái niệm TVHN. TVHN được xem như là giai đoạn đầu của tư vấn nghề nghiệp.

Các định nghĩa trên cho thấy TVHN bao gồm hai loại công việc: *Một là* hoạt động hướng dẫn, định hướng cho HS đi đến một nghề nhất định và *Hai là* hoạt động chuẩn bị cho các em cả về tri thức, kỹ năng, thái độ để tham gia vào lĩnh vực nghề nghiệp đó (tất nhiên nghề nghiệp này phải phù hợp với hứng thú, năng lực của các em và phù hợp với yêu cầu phân công lao động xã hội, của thị trường sức lao động).

• *Quản lí*

Từ những định nghĩa của Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Wehrich (1998), Hoàng Phê (2002), Thái Duy Tuyên (2010), Nguyễn Lộc (2010), Trần Kiêm & Nguyễn Xuân Thức (2012)... có thể khái quát quản lí là "sự tác động có tổ chức, có kế hoạch, có hướng đích của chủ thể quản lí đến khách thể quản lí, thông qua thông qua các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá để đạt được mục tiêu quản lí. Bản chất của quản lí là sự tác động có mục đích của chủ thể quản lí đến đối tượng quản lí, nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Giữa chủ thể quản lí và khách thể quản lí có mối quan hệ tác động qua lại tương hỗ nhau. Chủ thể quản lí này sinh các động lực quản lí, còn khách thể quản lí làm nảy sinh các giá trị vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu của con người, thỏa mãn mục đích của chủ thể quản lí".

• *Tư vấn hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông*

Hoạt động TVHN cho HS THPT là quá trình tương tác giữa chủ thể tư vấn là GV THPT hay chuyên gia TVHN với đối tượng tư vấn là HS, trong đó chủ thể tư vấn phải có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để giúp HS hiểu vấn đề của bản thân và đưa ra quyết định lựa chọn cho mình một ngành nghề phù hợp với hợp với khả năng, điều kiện cá nhân, gia đình và xu hướng phát triển nghề nghiệp đó trong xã hội. TVHN ở trường phổ thông là quá trình trợ giúp và nâng cao nhận thức của HS lựa chọn đúng ngành học, trường học hay một lĩnh vực nghề nghiệp để theo đuổi dưới sự trợ giúp của người tư vấn thông qua những đặc điểm tâm lí của bản thân để phát triển được sự nghiệp cá nhân vừa đóng góp chung cho định hướng phát triển của nền kinh tế - xã hội. Như vậy, hoạt động TVHN ở trường phổ thông gồm 3 loại công việc sau: 1) Làm cho HS có hiểu biết về thế giới nghề nghiệp, về nội dung, yêu cầu của những nghề mà cá nhân mong muốn lựa chọn, đồng thời giúp cá nhân nắm bắt và phân tích được những thông tin về thị trường lao động tại địa phương hoặc khu vực... để làm căn cứ lựa chọn nghề nghiệp; 2) Giúp HS nhận thức được về bản thân, đánh giá được những năng lực và khả năng của bản thân, thấy được giá trị của bản thân cũng như những khả năng thành công trong tương lai... qua đó giúp cá nhân hình thành thái độ đúng đắn trong lựa chọn nghề nghiệp; 3) Hỗ trợ HS đưa ra được các quyết định chọn nghề phù hợp trên cơ sở

tim ra sự trùng khớp giữa mong muốn, khả năng, năng lực, điều kiện hoàn cảnh bản thân và yêu cầu của nghề cũng như nhu cầu của nghề đó trong xã hội.

• *Quản lý hoạt động tư vấn hướng nghiệp ở trường THPT*

Từ khái niệm “quản lý”, và những khái niệm về “hướng nghiệp” “TVHN”, chúng tôi nhận thấy công tác quản lý hoạt động TVHN trong nhà trường chính là một bộ phận không thể thiếu của quản lý giáo dục. Quản lý hoạt động TVHN cho HS THPT là hệ thống những tác động có ý thức của **chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý** bằng các phương pháp và công cụ nhất định thông qua việc thực hiện các chức năng quản lý (**lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá**) hoạt động TVHN và sử dụng mọi nguồn lực sẵn có của nhà trường nhằm đạt mục tiêu của hoạt động này cho HS trong trường THPT.

Bộ máy quản lý hoạt động TVHN ở trường THPT bao gồm: Ban giám hiệu (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng); Tổ trưởng bộ môn; GV chủ nhiệm; GV bộ môn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; GV giảng dạy kỹ thuật; Đại diện hội cha mẹ HS; Các cơ sở sản xuất ở địa phương. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1981)

2.2.2. *Quản lý hoạt động TVHN ở trường THPT*

Quản lý hoạt động TVHN ở trường THPT có ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc định hướng, lựa chọn nghề, lựa chọn trường phù hợp cho HS tốt nghiệp THPT trong tương lai. Quản lý hoạt động TVHN cho HS THPT là hệ thống những tác động có ý thức của **chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý** bằng các phương pháp và công cụ nhất định thông qua việc thực hiện các chức năng quản lý (**lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá**) hoạt động TVHN và sử dụng mọi nguồn lực sẵn có của nhà trường nhằm đạt mục tiêu của hoạt động này cho HS trong trường THPT.

Theo Trần Kiểm (2014, tr.11), quản lý giáo dục trong phạm vi nhà trường (ví mô) là “hoạt động quản lý bao gồm nhiều loại, như quản lý hoạt động giáo dục: hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp), hoạt động xã hội, hoạt động văn thể, hoạt động lao động, hoạt động ngoại khóa, hoạt động GDHN...; quản lý các đối tượng khác nhau: quản lý GV, HS, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất...; quản lý nhiều khách thể khác: quản lý thực hiện xã hội hóa giáo dục, điều tiết và điều chỉnh ảnh hưởng từ bên ngoài nhà trường, tham mưu với Hội phụ huynh HS...”. Bên cạnh đó, quản lý giáo dục được diễn ra theo một quá trình, trong quá trình này có sự tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài nhằm thực hiện mục đích của quản lý để ra thông qua bốn chức năng cơ bản: Kế hoạch hóa, tổ chức, điều khiển (chỉ đạo thực hiện) và kiểm tra. Trong quá trình quản lý còn cần sự tác động từ các yếu tố cơ bản: chủ thể quản lý, đối tượng quản lý (người tác động trực tiếp đến đối tượng được tư vấn) và công cụ quản lý. Do đó, những lý thuyết quản lý giáo dục trong phạm vi nhà trường đều vận dụng trong quản lý

hoạt động TVHN. Vậy, quản lí hoạt động TVHN ở trường THPT được khái quát theo hai góc độ dưới đây:

2.2.1. Chức năng quản lí hoạt động TVHN ở trường THPT

Xây dựng kế hoạch TVHN cho HS THPT với các nội dung: Xác định mục tiêu hoạt động TVHN của trường; Xây dựng chương trình hoạt động TVHN của trường trong đó thể hiện rõ: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức TVHN và hướng dẫn cách thực hiện chương trình hoạt động TVHN; Lập kế hoạch phát triển và bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV, CBĐTN tham gia TVHN cho trường theo từng năm; Lập kế hoạch thực hiện hoạt động GDHN, TVHN trong năm học và theo từng học kì, từng tháng cho từng khối lớp sát với điều kiện của trường và đáp ứng nhiệm vụ của năm học; Lập kế hoạch phối hợp GDHN giữa nhà trường với đoàn thể, với Ban đại diện PH để HN cho các em trong năm; Xác định các nguồn lực để thực hiện hoạt động TVHN: nhân lực và vật lực; Xây dựng nội dung chi, định mức chi cho hoạt động TVHN từng năm, từng học kì, từng tháng; Duyệt kế hoạch, chương trình hoạt động TVHN của trường.

Tổ chức hoạt động TVHN: Bao gồm phân công chức danh, nhiệm vụ cụ thể cho GV tham gia TVHN; Tổ chức các buổi tập huấn, chuyên đề về kiến thức tâm lí, kĩ năng TVHN cho GV; Lập danh sách các công việc cần phải hoàn thành để đạt mục tiêu TVHN; Phân chia công việc thành các nhiệm vụ để người tham gia TVHN thực hiện hoạt động TVHN một cách thuận lợi và hợp lí; Theo dõi đánh giá tính hiệu quả của cơ cấu tổ chức TVHN; Thiết lập cơ chế điều phối, liên kết hoạt động giữa các thành viên hay bộ phận tạo điều kiện đạt mục tiêu TVHN; Lựa chọn CBQL, GV nhiệt huyết, có năng lực, kinh nghiệm về TVHN để làm lực lượng nòng cốt; Thực hiện các chế độ chính sách cho GV tham gia hoạt động TVHN: đãi ngộ, khen thưởng; Khuyến khích GV tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ TVHN; Tổ chức thực hiện hoạt động GDHN, TVHN của trường theo từng học kì, từng tháng; Thực hiện đủ, kịp thời các báo cáo về hoạt động GDHN, TVHN của nhà trường về tình hình phân luồng HS sau tốt nghiệp THPT năm trước và đề ra nhiệm vụ TVHN cho năm sau.

Chỉ đạo (lãnh đạo thực hiện) hoạt động TVHN: Xác định vấn đề và đề ra nhiệm vụ TVHN; Chọn tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động TVHN; Thu thập và xử lí thông tin TVHN; Đề ra nhiệm vụ TVHN cụ thể, thực hiện được, sát với điều kiện thực tiễn của Trường; Dự kiến các phương án TVHN thay thế dựa trên tiêu chuẩn hiệu quả hoạt động TVHN đã xác định; So sánh các phương án theo tiêu chuẩn hiệu quả xác định; Ra quyết định về TVHN chính thức; Tổ chức thực hiện quyết định về TVHN; Chỉ đạo việc thực hiện các hình thức TVHN gây được sự hứng thú cho HS, điều chỉnh hoạt động phối hợp giữa các GVCN, GVBM và GVGDKT để đạt hiệu quả GDHN; Chỉ đạo

hoạt động bồi dưỡng kiến thức TVHN cho GV, HS, PH; Theo dõi tiến trình thực hiện kế hoạch hoạt động TVHN ở từng năm, học kì, tháng.

Kiểm tra, đánh giá hoạt động TVHN: Đó là thu thập thông tin về hoạt động TVHN; Kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình TVHN; Đánh giá hoạt động TVHN theo các tiêu chuẩn đã xây dựng, phương pháp đo lường thành tích và xác định sự phù hợp của kết quả đạt được so với tiêu chuẩn; Phát hiện những yếu tố tích cực và những yếu tố làm hạn chế đến kết quả của hoạt động TVHN.; Tìm hiểu nguyên nhân chưa đạt mục tiêu hoạt động TVHN; Điều chỉnh những sai lệch, quyết định quản lí hoạt động TVHN.

Muốn hoạt động TVHN đạt hiệu quả và chất lượng cao thì quản lí phải bám sát theo mục tiêu của hoạt động TVHN đã đề ra và: Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá TVHN; Lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động TVHN phù hợp; Đo lường kết quả thực hiện TVHN thường xuyên; Điều chỉnh những sai lệch nhằm làm cho toàn bộ hệ thống đạt mục tiêu đã xác định; Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, chương trình TVHN theo từng năm, học kì, tháng; Kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách cho đội ngũ GV, CBQL tham gia hoạt động TVHN; Kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách cho đội ngũ GV, CBQL tham gia hoạt động TVHN.

2.2.2. Nội dung quản lí của hoạt động TVHN ở trường THPT

Quản lí hoạt động TVHN cho HS ở trường THPT nằm trong mối quan hệ với quản lí hoạt động giáo dục nói chung và quản lí hoạt động GDHN cho HS của người hiệu trưởng. Trong đó:

Chú thể quản lí: Ban giám hiệu (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) với tư cách là chủ thể quản lí của hoạt động này, có nhiệm vụ: 1) Lập kế hoạch công tác hướng nghiệp trong cả năm học, từng học kì, từng tháng; 2) Chủ động phối hợp với chính quyền, với các cơ sở sản xuất, các trường dạy nghề đóng tại địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giúp trường về cơ sở vật chất, cán bộ kĩ thuật nghiệp vụ để dạy lao động kĩ thuật, hướng nghiệp và tổ chức lao động sản xuất cho HS; 3) Tổ chức thông báo cho GV về tình hình phát triển kinh tế của địa phương và nhu cầu sử dụng nguồn lao động dự trữ. Kết hợp với địa phương trong việc sử dụng hợp lí HS ra trường; 4) Chỉ đạo và kiểm tra công tác hướng nghiệp của các GV, phối hợp các hình thức hướng nghiệp trong và ngoài nhà trường.

Đối tượng quản lí của hoạt động TVHN: Là tất cả những người thực hiện và nhận nhiệm vụ TVHN, bao gồm: các GV và CB phụ trách TVHN; HS; các tổ chức, đoàn thể xã hội như Ban đại diện cha mẹ HS, Hội Liên hiệp phụ nữ, các doanh nghiệp... Trong đó:

+ Nhiệm vụ của GV chủ nhiệm: Năm bắt tình hình, động viên HS trong lớp chủ

nhệm tiếp thu tốt nội dung GDHN và tham gia đầy đủ các buổi TVHN. Tìm hiểu hứng thú, sở thích, năng lực và trạng thái tâm lý tiêu biểu của mỗi HS trong lớp; Giúp HS nhận thức về tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề trong tương lai và về sự cần thiết nằm trong một số lĩnh vực lao động nghề nghiệp phổ biến ở địa phương và trung ương; Tạo điều kiện cho HS lớp chủ nhiệm tham gia các hoạt động ngoại khóa, ngoài nhà trường.

+ Nhiệm vụ của GV bộ môn: Giới thiệu cho HS những ngành, nghề có liên quan trực tiếp đến môn học; Tìm hiểu hứng thú nghề nghiệp của HS; Phối hợp với GVCN hướng dẫn lựa chọn nghề (Thông tư 31), cung cấp cho HS một số hiểu biết về nghề nghiệp; Kịp thời và có biện pháp thích hợp bồi dưỡng năng lực, tạo hứng thú học tập cho HS đối với bộ môn.

+ Nhiệm vụ của GV giảng dạy kỹ thuật: Định hướng nghề trong tương lai cho HS, giảng dạy nội dung hướng nghiệp và tiến hành TVHN ngay trong khi dạy các môn Công nghệ.

+ Nhiệm vụ của tổ chức Đoàn thanh niên (CBĐTN): Thiết lập mối quan hệ mật thiết thường xuyên giữa cơ sở đoàn trường với tổ chức cơ sở đoàn của các cơ quan; giữ mối quan hệ thường xuyên với các đoàn viên HS của trường đã tốt nghiệp; Động viên đoàn viên thanh niên, GV và HS tích cực tham gia đóng góp vật lực cho hoạt động TVHN; Xây dựng các phong trào học tập có nếp sống của người lao động mới: làm chủ tri thức khoa học, có lòng say mê và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp. (Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2015, tr. 58-61)

Nội dung trọng tâm của quản lý đối tượng quản lý bao gồm: 1) Lập kế hoạch phát triển và bồi dưỡng GV, CBĐTN tham gia TVHN; 2) Tổ chức phân công GV, CBĐTN tham gia hoạt động TVHN phù hợp theo nhiệm vụ; 3) Chỉ đạo thực hiện công tác phát triển và bồi dưỡng GV, CBĐTN tham gia TVHN; 4) Kiểm tra việc thực hiện công tác phát triển và bồi dưỡng GV, CBĐTN tham gia TVHN.

Đối tượng được TVHN (HS): Nội dung chủ yếu quản lý đối tượng được tư vấn bao gồm: Lập kế hoạch thu thập, thống kê và lưu giữ các thông tin cơ bản: Tên, tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp của cha mẹ... của HS; điểm các môn học từng học kì, từng năm học, điểm thi tốt nghiệp của HS; Tổ chức phân công HS tham gia hoạt động TVHN phù hợp theo sở thích, năng lực của các em và mục tiêu TVHN; Chỉ đạo HS tham gia hoạt động TVHN ở trường; Kiểm tra việc tham gia hoạt động TVHN ở trường của HS.

Công cụ quản lý hoạt động TVHN: Đó là các chủ trương chính sách, chúng sẽ đảm bảo tính pháp quy của các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương, từ bộ đến các trường trực thuộc. Đây những căn cứ pháp lý để các nhà quản lý xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện quản lý hoạt động TVHN. Nội dung cơ bản của

quản lý công cụ quản lý tập trung vào: 1) Lập kế hoạch thu thập, thống kê, lưu giữ các chính sách liên quan đến GDHN và TVHN; 2) Tổ chức triển khai các chính sách liên quan đến GDHN và TVHN ở trường THPT; 3) Chỉ đạo thực hiện triển khai các chính sách liên quan đến GDHN, TVHN ở trường THPT; và 4) Kiểm tra việc triển khai chính sách liên quan đến GDHN và TVHN ở trường THPT.

3. Kết luận

Hoạt động TVHN không phải là vấn đề mới, đã được xuất hiện trên thế giới từ giữa thế kỉ XIX và đã được nghiên cứu ở nước ta khoảng 40 năm. Nhưng nghiên cứu quản lý về hoạt động TVHN cho HS trường THPT ở Việt Nam còn bỏ ngỏ hoặc chỉ nghiên cứu dưới góc độ nội dung của hoạt động: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện thực hiện TVHN. Đây cũng chính là cơ sở cho việc xây dựng mô hình quản lý TVHN dưới góc độ chức năng quản lý: Kế hoạch hóa, tổ chức (nhân sự, tổ chức bộ máy), lãnh đạo (chỉ đạo thực hiện) và kiểm tra cùng với sự tác động từ các yếu tố cơ bản: chủ thể quản lý, đối tượng quản lý và công cụ quản lý, góp phần tìm hiểu về thực trạng cũng như đề xuất biện pháp thúc đẩy quản lý hoạt động TVHN cho HS THPT hiện nay.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Danh Ánh (2010). *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (1981). *Thông tư số 31-TT ngày 17/11/1981 hướng dẫn thực hiện quyết định của hội đồng chính phủ về công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông và sử dụng hợp lý HS phổ thông tốt nghiệp*.
- Lê Duy Hùng. (2018). Thực trạng nhu cầu về các hình thức tư vấn hướng nghiệp của học sinh một số trường THPT tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 427 (Kì 1 - 4/2018), 15-18; 55.
- Lê Thị Thanh Hương (chủ biên). (2010). *Tư vấn hướng nghiệp cho HS THPT: thực trạng ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội
- Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2015). *Tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông*. Thái Nguyên: NXB Đại học Thái Nguyên.
- Trần Kiểm. (2014). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Đỗ Thị Bích Loan (2015). Tư vấn hướng nghiệp học đường thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Nghiên cứu và ứng dụng*, 123, 2.
- Phạm Ngọc Linh. (2013). *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông*. Luận án Tiến sĩ. Hà Nội: Học viện Khoa học xã hội.
- Nguyễn Lộc. (2010). *Li luận về quản lý*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.